Daiichi Life

BIỂU PHÍ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÓM - SỐNG KHỎE TOÀN DIỆN

(Theo công văn số 2534/QLBH-NT ngày 02/10/2026 của Bộ Tài chính)

Áp dụng đối với chương trình có Thời gian chờ tiêu chuẩn

MÃ	TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM *(tính trên 1 đồng Số tiền bảo hiểm)*						
A1	**Điều trị nội trú – Điều trị trong ngày do Bệnh tật**						
	Số tiền bảo hiểm *(triệu đồng)*	**Giới hạn chi phí điều trị/ngày nằm viện** *(theo tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm)*						
		7%	**6%**	**5%**	**4%**	**3%**	**2%**	**1%**
	≤ 50	2,53%	2,31%	2,11%	1,89%	1,67%	1,47%	1,25%
	100	2,33%	2,13%	1,93%	1,75%	1,55%	1,36%	1,16%
	150	2,22%	2,04%	1,85%	1,65%	1,49%	1,29%	1,11%
	200	2,13%	1,95%	1,76%	1,58%	1,42%	1,24%	1,07%
	≥ 250	2,02%	1,85%	1,67%	1,51%	1,35%	1,18%	1,02%
B1	**Điều trị ngoại trú do Bệnh tật** *(Số tiền bảo hiểm là Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị ngoại trú do Bệnh tật và Chăm sóc răng)*							
		Giới hạn chi phí điều trị/lần khám *(theo tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm)*						
		25%	**20%**	**15%**	**10%**	**5%**		
	Tỷ lệ phí	24,60%	19,69%	14,76%	9,85%	4,93%		
B2	**Chăm sóc răng** *(Số tiền bảo hiểm được hiểu là Hạn mức chi trả tối đa của quyền lợi = (5%/10%/15%/20%/25%) × Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị ngoại trú do Bệnh tật và Chăm sóc răng)*							15,75%
B3	**Chăm sóc y tế dự phòng** *(Số tiền bảo hiểm là Số tiền bảo hiểm của quyền lợi này)*							26,25%
B4	**Trợ cấp nghỉ ốm dài hạn** *(Số tiền bảo hiểm là Số tiền bảo hiểm của quyền lợi này)*							0,42%
B5	**Nhân đôi bảo vệ bệnh hiểm nghèo** *(Số tiền bảo hiểm = Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị nội trú – Điều trị trong ngày do Bệnh tật)*							0,33%
B6	**Bệnh hiểm nghèo** *(Số tiền bảo hiểm là Số tiền bảo hiểm của quyền lợi này)*							0,67%
B7	**Thai sản** *(Số tiền bảo hiểm = Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị nội trú – Điều trị trong ngày do Bệnh tật)*							
	Số tiền bảo hiểm *(triệu đồng)*	**Giới hạn chi phí điều trị/ngày nằm viện** *(theo tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm)*						
		7%	**6%**	**5%**	**4%**	**3%**	**2%**	**1%**
	≤ 50	0,64%	0,58%	0,53%	0,47%	0,42%	0,36%	0,33%
	100	0,58%	0,53%	0,47%	0,44%	0,38%	0,35%	0,29%
	150	0,55%	0,51%	0,45%	0,42%	0,36%	0,33%	0,29%
	200	0,53%	0,47%	0,44%	0,40%	0,35%	0,31%	0,27%
	≥ 250	0,49%	0,45%	0,42%	0,38%	0,35%	0,29%	0,25%

BIỂU PHÍ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÓM - SỐNG KHỎE TOÀN DIỆN

(Theo công văn số 2534/QLBH-NT ngày 02/10/2026 của Bộ Tài chính)

Áp dụng đối với chương trình có Thời gian chờ tiêu chuẩn